Đề tài - Topic: Hội Thánh Do Chúa Giê-xu Lập

Ma-thi-ơ 16:13-19

Mục đích/Purpose: Am hiểu "nền tảng của Hội Thánh" hầu giữ vững niềm tin để làm công việc Chúa

Giới thiệu: Chữ "Hội Thánh" được dịch ra từ chữ ekklesia trong tiếng Hy Lạp. Từ đó chúng ta có từ "ecclesiastical." Theo nghĩa đen, từ này có nghĩa là "sự hội họp" hay là những người đã được gọi." Trong CựuƯớc, chữ này được dùng để nói dân Y-sơ-ra-ên, là tuyển dân được Đức Chúa Trời gọi ra khỏi nhà nô lệ, khỏi xứ Ai-cập. Trong Cơ đốc giáo, từ ngữ này dần dần mang ý nghĩa là một sự hội họp của dân sự Chúa. Khi Chúa Giê-su dùng từ "Hội Thánh", Ngài muốn ám chỉ *những người đã nghe* và *hưởng ứng lời kêu gọi của Đức Chúa Trời để nhận lấy sự cứu rỗi* và *bước vào công tác hầu việc Chúa*…

[Những câu hỏi gợi ý đơn giản & áp dụng – Basic questions & applications]

1. Khi Đức Chúa Giê-su nói về Hội Thánh trong Ma-thi-ơ 16:18-19, Ngài dùng 3 biểu tượng gì? Giả thích ý nghĩa của từng biểu tượng?

2. Từ ba biểu tượng này xuất hiện 3 lẽ thật gì về Hội Thánh?

Giải thích từng chân lý [Giúp ý: (a) Chân lý # 1: Ma-thi-ơ 16:18a (Ai lập Hội Thánh?); (b) Chân lý # 2: Ma-thi-ơ 16:19 (trách nhiệm gì ? "buộc... mở"); (c) Ma-thi-ơ 16:18b (cần phải hiểu rõ trước khi chia sẻ với người khác?)]

Bạn áp dụng thực tế bài học như thế nào cho đời sống mình trong tuần tới hoặc cho những tháng năm sắp tới để có thể phúc lợi cho cá nhân, gia đình, và hội thánh West Houston VBC

How you realistically apply the lesson to your life in the coming week or the years ahead to benefit individuals, families, and the West Houston VBC Congregation

**** Câu Ghi Nhớ*** *Ma-thi-ơ 16:19 "Ta sẽ giao chìa khóa nước thiên đàng cho ngươi; hễ điều gì mà ngươi buộc dưới đất, thì cũng sẽ buộc ở trên trời, và điều gì mà ngươi mở dưới đất, thì cũng sẽ được mở ở trên trời. (*BDM)

**** Memory Verse*** *Ma-thi-ơ 16:19 I will give you the keys of the kingdom of heaven, and whatever you bind on earth is already bound in heaven, and whatever you loose on earth is already loosed in heaven. (HCSB)*

Nghiên Cứu Câu Kinh Thánh - Verse Study Form

Hoàn tất phần nghiên cứu với câu Kinh Thánh thuộc lòng có đánh dấu hoa thị (*) ở trang trước

Using the suggested memory verse marked with an asterisk from the opposite page, complete this verse study form.

1. Địa chỉ của câu Kinh Thánh – verse reference _____

2. Viết ra và định nghĩa hai từ chìa khóa (quan trọng) trong câu Kinh Thánh đó.
   List two key words and define them.

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

_____

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

_____

3. Câu Kinh Thánh nầy nói gì? (Viết lại câu Kinh Thánh theo lối hành văn riêng của quý vị).
   What does the verse say? (Paraphrase—Rewrite the verse in your own words.)

_____

_____

_____

4. Tôi có thể áp dụng chân lý của câu Kinh Thánh nầy vào đời sống của tôi như thế nào?
   How can you apply the truth of this verse to your life today?

_____

_____

_____

Kết thúc (bằng thì giờ cầu nguyện và bài tập chuẩn bị cho buổi học lần tới

Closing (Prayer time and assignment for next week)